



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, TânKiên, BìnhChánh ,Tp.HCM.

Tel: 848 - 37560110 – 37561191 Fax: 848 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	01 - 02
2. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2 năm 2016	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đến cuối Quý 2 năm 2016	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm 2016	05 – 32



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối Quý 2/2016	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.911.477.138.444	2.810.625.320.769
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	466.544.081.294	425.567.717.430
111	1. Tiền		465.054.081.294	418.667.717.430
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.490.000.000	6.900.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	10.000.000.000	10.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		865.855.556.739	481.284.642.434
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	744.972.055.527	431.125.695.754
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	41.262.482.469	35.947.330.676
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	85.344.962.926	19.818.875.929
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(5.723.944.183)	(5.607.259.925)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	1.488.697.844.317	1.760.076.255.954
141	1. Hàng tồn kho		1.488.697.844.317	1.760.076.255.954
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		80.379.656.094	133.696.704.951
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		677.049.052	143.138.196
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		79.521.968.813	133.234.056.760
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		180.638.229	319.509.995
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		791.703.151.577	758.916.598.635
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.032.315.546	5.032.315.546
216	1. Phải thu dài hạn khác		4.032.315.546	5.032.315.546
220	II. Tài sản cố định		659.426.759.177	652.335.335.604
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	349.638.787.250	351.772.981.566
222	- Nguyên giá		546.481.176.677	521.218.591.997
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(196.842.389.427)	(169.445.610.431)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.9	63.063.259.656	66.904.116.714
225	- Nguyên giá		76.381.530.221	76.381.530.221
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.318.270.565)	(9.477.413.507)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	246.724.712.271	233.658.237.324
228	- Nguyên giá		253.698.271.253	239.979.533.153
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.973.558.982)	(6.321.295.829)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		115.793.208.991	86.415.660.093
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	115.793.208.991	86.415.660.093
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	8.096.805.300	8.096.805.300
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.565.113.571)	(3.565.113.571)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.354.062.563	7.036.482.092
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.295.358.502	5.268.261.344
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	591.882.902
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	4. Lợi thế thương mại	V.12	1.058.704.061	1.176.337.846
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.703.180.290.021	3.569.541.919.404

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối Quý 2/2016	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.654.279.789.575	2.462.138.197.120
310	I. Nợ ngắn hạn		2.485.087.734.642	2.347.808.033.982
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	410.464.244.242	286.517.039.117
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	42.898.917.542	46.378.944.336
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	135.018.016.389	134.343.915.962
314	4. Phải trả người lao động	V.16	29.086.170.457	23.947.066.028
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	85.923.102.887	61.506.965.712
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	294.123.109.120	87.649.748.453
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	1.467.238.502.204	1.698.058.771.492
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	20.335.671.801	9.405.582.882
330	II. Nợ dài hạn		169.192.054.933	114.330.163.138
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
337	2. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	169.192.054.933	114.330.163.138
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.048.900.500.446	1.107.403.722.284
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	1.048.900.500.446	1.107.403.722.284
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		476.400.000.000	476.400.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		476.400.000.000	476.400.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.211.680.048	7.211.680.048
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		153.973.590.462	119.095.387.120
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		37.868.297.114	27.342.989.573
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		170.370.731.878	279.179.962.957
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		41.290.237.742	51.215.446.517
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		129.080.494.136	227.964.516.440
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		203.076.200.944	198.173.702.587
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.703.180.290.021	3.569.541.919.404

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



TRẦN NGỌC HÙNG



TRẦN TẤN SƠN



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.072.974.289.322	2.044.277.068.993	3.087.453.963.533	3.128.381.858.857
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.2	35.822.656.437	16.065.491.417	57.845.421.175	23.753.062.323
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.037.151.632.885	2.028.211.577.576	3.029.608.542.358	3.104.628.796.534
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	1.740.983.688.183	1.783.372.328.598	2.607.666.942.906	2.735.959.139.532
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		296.167.944.702	244.839.248.978	421.941.599.452	368.669.657.002
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	657.177.422	337.429.652	1.612.310.309	800.159.508
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	38.723.500.620	27.833.613.974	58.654.078.335	45.840.921.361
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		23.303.457.560	23.517.339.701	41.453.487.720	40.235.307.158
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết					
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	76.767.928.507	86.012.163.440	115.432.204.586	133.687.521.041
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	28.550.354.777	23.395.104.074	47.603.488.523	38.540.387.589
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		152.783.338.220	107.935.797.142	201.864.138.317	151.400.986.519
31	12. Thu nhập khác	VI.8	2.270.373.271	4.719.809.964	4.204.563.581	5.997.354.708
32	13. Chi phí khác	VI.9	2.282.652.075	1.058.038.412	2.462.030.541	1.136.589.878
40	14. Lợi nhuận khác		(12.278.804)	3.661.771.552	1.742.533.040	4.860.764.830
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		152.771.059.416	111.597.568.694	203.606.671.357	156.261.751.349
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		24.401.342.809	23.038.265.025	31.705.582.837	32.767.298.833
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		128.369.716.607	88.559.303.669	171.901.088.520	123.494.452.516
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		94.978.546.500	75.534.172.872	129.080.494.136	104.805.601.414
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		33.391.170.107	13.025.130.797	42.820.594.384	18.688.851.102
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	1.834	1.427	2.493	1.980

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016



Tổng Giám Đốc

LÊ QUỐC PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

DVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		203.606.671.357	156.261.751.349
	2. Điều chỉnh cho các khoản		73.962.100.662	64.018.852.644
02	- Khấu hao tài sản cố định		31.889.899.207	22.520.996.314
03	- Các khoản dự phòng		116.684.258	1.193.566.077
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	513.435.262
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	(444.452.167)
06	- Chi phí lãi vay		41.955.517.197	40.235.307.158
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		277.568.772.019	220.280.603.993
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(260.392.756.508)	(324.677.717.200)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		277.703.424.602	(53.858.738.780)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		89.203.981.301	58.832.940.084
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.556.625.771	(1.704.711.155)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(40.940.093.498)	(40.235.307.158)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(33.536.408.812)	(39.566.789.762)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(25.832.904.639)	(12.763.195.719)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		285.330.640.235	(193.692.915.697)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(68.517.351.528)	(65.622.101.140)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		158.479.850	1.213.018.401
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(10.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(68.358.871.678)	(74.409.082.739)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.966.935.038.728	2.102.526.796.416
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(2.139.648.580.221)	(1.900.219.396.494)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(3.244.836.000)	(9.403.017.555)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(37.027.200)	(121.632.038.080)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(175.995.404.693)	71.272.344.287
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		40.976.363.864	(196.829.654.149)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		425.567.717.430	411.281.268.344
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	466.544.081.294	214.451.614.195

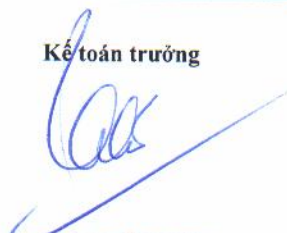
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRẦN NGỌC HÙNG



TRẦN TẤN SƠN



Tổng Giám Đốc

LÊ QUỐC PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình đã đi vào hoạt động từ tháng 11/2015, dẫn đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 tăng 40% so với cùng kỳ năm 2015.

6. Cấu trúc Công ty*Các Công ty con*

Stt	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	- Công ty TNHH MTV Thẻ thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Thẻ thao, quảng cáo	100%	100%	100%
2.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
3.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
4.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
5.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.135 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.153 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ..

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.
- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Số năm

Loại tài sản vô hình

Phần mềm

07 – 10

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ trong 10 năm.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.106.161.521	4.623.183.228
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	461.947.919.773	414.044.534.202
Các khoản tương đương tiền(*)	1.490.000.000	6.900.000.000
Cộng	<u>466.544.081.294</u>	<u>425.567.717.430</u>

(*) là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2.a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

2.b Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đơn vị được đầu tư	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà (*)	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)
Cộng	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>
Số đầu năm	(3.565.113.571)	(3.353.169.995)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(311.323.440)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	<u>(3.565.113.571)</u>	<u>(3.664.493.435)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	744.972.055.527	431.125.695.754
Công ty TNHH Yetak – Cambodia	139.802.067.582	71.131.496.858
Công ty TNHH Hồng Nhung	18.536.896.000	5.788.070.000
Công ty TNHH TMDV Phan bốn Tuần Vũ	38.859.138.200	11.395.377.700
Công ty TNHH Thịnh Thành Đắc Lắc	32.204.565.778	9.961.230.000
Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	53.324.739.000	19.124.117.000
Các khách hàng khác	462.244.648.967	313.725.404.196
Cộng	744.972.055.527	431.125.695.754

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	41.262.482.469	35.947.330.676
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	17.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	5.700.000.000	7.050.720.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	-	15.203.893.494
Các đối tượng khác	17.862.482.469	13.692.717.182
Cộng	41.262.482.469	35.947.330.676

5. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	18.434.970.692	-	16.081.373.384	-
- Tạm ứng của nhân viên công ty	11.201.174.816	-	9.147.311.652	-
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương VN	35.184.051.362	-	-	-
- Công ty CP Cơ khí TM Đại Dũng	13.051.463.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	22.170.771.203	-	6.934.061.732	-
Cộng	85.344.962.926	-	19.818.875.929	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Số đầu năm	(5.607.259.925)	(5.982.538.138)
Trích lập dự phòng bổ sung	(116.684.258)	(2.486.421.225)
Hoàn nhập dự phòng	-	1.604.178.588
Số cuối kỳ	(5.723.944.183)	(6.864.780.775)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.250.639.553.350	-	1.419.233.444.843	-
Công cụ, dụng cụ	5.580.764.695	-	5.230.796.508	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.270.029.119	-	20.934.090.284	-
Thành phẩm	214.299.569.670	-	311.356.662.915	-
Hàng hóa	3.907.927.483	-	3.321.261.404	-
Cộng	1.488.697.844.317	-	1.760.076.255.954	-

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 1.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	Nguyên giá		
Số đầu năm	75.365.104.766	1.016.425.455	76.381.530.221
Thuê trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	75.365.104.766	1.016.425.455	76.381.530.221
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	9.307.545.140	169.868.367	9.477.413.507
Khấu hao trong kỳ	3.768.255.238	72.601.820	3.840.857.058
Số cuối kỳ	13.075.800.378	242.470.187	13.318.270.565
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	66.057.559.626	846.557.088	66.904.116.714
Số cuối kỳ	62.289.304.388	773.955.268	63.063.259.656

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	239.265.756.153	713.777.000	239.790.756.153
Mua trong kỳ	13.718.738.100	-	13.718.738.100
Số cuối kỳ	252.984.494.253	713.777.000	253.698.271.253
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	115.000.000	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.924.959.142	396.336.687	6.321.295.829
Khấu hao trong kỳ	603.600.492	48.662.661	652.263.153
Số cuối kỳ	6.528.559.634	444.999.348	6.973.558.982
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	233.340.797.011	317.440.313	233.658.237.324
Số cuối kỳ	246.455.934.619	268.777.652	246.724.712.271

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	4.619.138.911	7.872.257.900	(1.320.000.000)	-	11.171.396.811
Xây dựng cơ bản dở dang	81.796.521.182	40.401.981.831	(19.106.890.833)	-	103.090.612.180
- Công trình nhà xưởng tại Ninh Bình	-	5.250.706.206	-	-	5.250.706.206
- Nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tại Tây Ninh	44.367.659.675	8.567.968.699	(10.932.078.491)	-	42.003.549.883
- Công trình Bến tàu 3.000 DWT Bình Điền Long An	6.538.918.427	18.233.889.518	-	-	24.772.807.945
- Các công trình khác	30.889.943.080	935.839.764	(1.337.042.504)	(1.000.000)	30.487.740.340
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.531.200.000	-	-	1.531.200.000
Cộng	86.415.660.093	49.805.439.731	(20.426.890.833)	(1.000.000)	115.793.208.991

12. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại công ty phân bổ trong 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	410.464.244.242	286.517.039.117
- Công ty CP Vinacam	55.063.656.000	47.189.448.200
- Công ty CP DAP – VINACHEM	22.415.060.000	21.706.103.140
- Công ty Cổ Phần Nông sản Long Hải	51.806.640.480	83.933.425.719
- Công ty TNHH Nguyễn Phan	45.008.570.000	-
- Công ty Newquest	405.600.000	16.945.206.569
- Các nhà cung cấp khác	235.764.717.762	116.742.855.489
Cộng	410.464.244.242	286.517.039.117

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	42.898.917.542	46.378.944.336
- Công ty TNHH MTV KC Hà Tĩnh	3.347.780.250	4.279.764.400
- Công ty TNHH Phương Yến	465.336.107	1.624.579.325
- Nguyễn Văn Hào	3.985.576.161	2.969.963.143
- Tạ Đình Thắng	2.342.485.898	-
- Đặng Văn Lân	-	2.406.050.945
- Các khách hàng khác	32.757.739.126	35.098.586.523
Cộng	42.898.917.542	46.378.944.336

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	3.680.064.807	543.830.855
Thuế GTGT xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.677.550.623	17.508.376.598
Thuế thu nhập cá nhân	608.386.978	1.604.087.854
Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	114.687.620.655
Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác	364.393.326	-
Cộng	135.018.016.389	134.343.915.962

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Mặt hàng phân bón không chịu thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị được giảm 50%, Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình được miễn. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		203.606.671.357
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		1.341.996.520
- Các khoản điều chỉnh giảm		-
Thu nhập chịu thuế		204.948.667.877
Thu nhập được miễn thuế		(36.500.463.426)
Lỗi các năm trước được chuyển		-
Thu nhập tính thuế		168.448.204.451
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông		40.989.733.575
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông		(517.580.362)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm		(8.766.570.376)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		31.705.582.837
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		31.705.582.837
16. Phải trả người lao động		
Là quỹ lương còn phải trả người lao động.		
17. Chi phí phải trả ngắn hạn		
Là khoản trích trước chi phí phù hợp với doanh thu trong kỳ.		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí chiết khấu	12.950.674.000	28.958.551.270
- Trích trước chi phí khuyến mãi	18.873.914.000	6.947.796.250
- Trích trước hỗ trợ bán hàng	21.888.478.862	20.878.984.222
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn	10.000.000.000	-
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	22.210.036.025	4.721.633.970
Cộng	85.923.102.887	61.506.965.712
18. Phải trả ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí, đoàn phí công đoàn	966.966.949	722.314.407
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.115.677.733	4.014.272.610
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	167.844.032.955	56.552.580
- Quỹ an sinh xã hội	292.908.000	292.908.000
- Quỹ người nghèo	2.045.163.491	1.654.348.183
- Phải trả hỗ trợ bán hàng đại lý	8.997.652.800	-
- Giá trị tạm tính Nhà máy Ninh Bình	69.973.590.863	70.358.019.863
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	42.887.116.329	10.551.332.810
Cộng	294.123.109.120	87.649.748.453

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19.a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.465.407.211.918	1.465.407.211.918	1.688.930.833.406	1.688.930.833.406
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽¹⁾	31.869.485.634	31.869.485.634	48.411.658.767	48.411.658.767
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM ⁽²⁾	319.347.735.949	319.347.735.949	244.995.997.487	244.995.997.487
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM	-	-	2.746.586.900	2.746.586.900
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽³⁾	33.886.741.800	33.886.741.800	56.129.709.552	56.129.709.552
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽⁴⁾	26.483.427.500	26.483.427.500	72.480.599.715	72.480.599.715
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Tp.HCM ⁽⁵⁾	28.741.200.000	28.741.200.000	19.406.250.000	19.406.250.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi ⁽⁶⁾	69.782.639.817	69.782.639.817	78.337.020.382	78.337.020.382
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽⁷⁾	103.203.930.617	103.203.930.617	113.344.678.210	113.344.678.210
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽⁸⁾	409.788.454.266	409.788.454.266	448.501.750.400	448.501.750.400
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận ⁽⁹⁾	16.528.705.978	16.528.705.978	62.690.741.595	62.690.741.595
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽¹⁰⁾	35.684.523.995	35.684.523.995	64.529.460.034	64.529.460.034
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM ⁽¹¹⁾	28.937.999.950	28.937.999.950	44.595.574.400	44.595.574.400
- Vay nhân viên công ty ⁽¹²⁾	24.717.971.518	24.717.971.518	32.367.941.372	32.367.941.372
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn	97.939.387.755	97.939.387.755	59.411.568.446	59.411.568.446
- Ngân hàng Nông Nghiệp& Phát triển Nông thôn VN – CN Quảng Trị	30.081.139.461	30.081.139.461	67.299.753.242	67.299.753.242
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị	33.966.693.059	33.966.693.059	36.336.777.354	36.336.777.354
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Lâm Đồng	45.481.760.000	45.481.760.000	81.075.312.850	81.075.312.850
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đà Lạt	29.591.142.000	29.591.142.000	55.509.222.900	55.509.222.900
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình	99.374.272.619	99.374.272.619	100.760.229.800	100.760.229.800
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.831.290.286	1.831.290.286	9.127.938.086	9.127.938.086

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số có khả năng trả		Số có khả năng trả	
	Giá trị	nợ	Giá trị	nợ
	1.467.238.502.204	1.467.238.502.204	1.698.058.771.492	1.698.058.771.492

(1) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng vay số BIT.DN.420.180516 ngày 07 tháng 06 năm 2016, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh phân bón các loại, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(2) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng 15.03100116/2015-HỆTDHM/NHCT900-BFC ngày 17 tháng 09 năm 2015. Hạn mức 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ mua Nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(3) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTD ngày 05 tháng 04 năm 2012, và phụ lục Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTD/PL03 ngày 03 tháng 09 năm 2015, hạn mức 60.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, vay tín chấp.

(4) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 151378 ngày 09 tháng 07 năm 2015 điều chỉnh lần 3 của Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 07120742 ngày 30/04/2012. Hạn mức 10,000,000.00 USD (hoặc tương đương VND). Mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động cho công ty nhập khẩu và mua nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(5) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Số 08814/PN-HỆTD ngày 26 tháng 06 năm 2014. Hạn mức 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(6) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hàm Nghi theo Hợp đồng vay số HM.0151.15/HỆTD ngày 30 tháng 06 năm 2015. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(7) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Nghé theo Hợp đồng vay số 43/2015/5762220/HỆTD ngày 13 tháng 07 năm 2015. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(8) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 0225/KH/14NH ngày 31 tháng 12 năm 2015, Hạn mức 500.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(9) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận theo hợp đồng vay số 1604LAV201500604 ngày 14/07/2015, hạn mức 90.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 7%/năm. Vay tín chấp.

(10) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay Số BC_HỆTD/BFC/201311 ngày 01 tháng 11 năm 2013 kèm theo các phụ lục bổ sung theo từng lần nhận nợ. Hạn mức 10,000,000 USD, tương đương 208.280.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(11) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM theo hợp đồng vay Số BFL/12-33 ngày 09 tháng 08 năm 2012, kèm theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số SBFL/15-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

241 ngày 16 tháng 11 năm 2015, hạn mức 10,000,000.00 USD. Mục đích bổ sung vốn lưu mua hàng hóa, Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

⁽¹²⁾ Là khoản vay các nhân viên Công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.656.558.892.034	1.854.646.483.029	(2.070.516.134.663)	1.440.689.240.400
Vay ngắn hạn các cá nhân	32.367.941.372	127.806.982	(7.777.776.836)	24.717.971.518
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	9.131.938.086	-	(7.300.647.800)	1.831.290.286
Cộng	1.698.058.771.492	1.854.774.290.011	(2.085.594.559.299)	1.467.238.502.204

19.b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	137.207.865.622	137.207.865.622	82.345.973.827	82.345.973.827
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	33.028.113.872	33.028.113.872	21.776.989.863	21.776.989.863
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽²⁾	104.179.751.750	104.179.751.750	60.568.983.964	60.568.983.964
Nợ thuê tài chính	31.984.189.311	31.984.189.311	31.984.189.311	31.984.189.311
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽³⁾	19.430.411.000	19.430.411.000	19.430.411.000	19.430.411.000
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽⁴⁾	7.308.526.914	7.308.526.914	7.308.526.914	7.308.526.914
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽⁵⁾	5.245.251.397	5.245.251.397	5.245.251.397	5.245.251.397
Cộng	169.192.054.933	169.192.054.933	114.330.163.138	114.330.163.138

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn, theo Hợp đồng vay số 150270045/2015-HỆTDHM/NHCT923 ngày 10/06/2015. Hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng, thời hạn 96 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích phục vụ cho dự án nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền Mekong. Tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và số BM189702 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19/01/2015; Toàn bộ máy móc thiết bị đang được lắp đặt và sử dụng tại nhà máy phân bón thuốc BVTV Bình Điền - Mekong KCN Thành Thành Công, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong.

⁽²⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 08/2015-HỆTD/NHCT400- BINH DIEN ngày 10/06/2015. Hạn mức cho vay 186.000.000.000 đồng, mục đích đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Ninh Bình, Thời hạn vay 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: • theo Hợp đồng thế chấp số 08/2015-HỆTCBĐS/NHCT400 tháng 06 năm 2015 bao gồm các hạng mục hiện có và xây dựng thêm thuộc dự án xây dựng nhà máy NPK trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại KCN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Giá trị tài sản thế chấp là 231.612.000.000 đồng; Hợp đồng số 09/2015 – HĐTCĐS/NHCT400 tháng 06/2015 bao gồm toàn bộ máy móc, dây chuyền, thiết bị hiện có và hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy sản xuất NPK tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Giá trị tài sản thế chấp là 39.409.000.000 đồng.

(3) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 53/2014/TSC-CTTC ngày 25 tháng 08 năm 2014 giữa Công ty Cp Bình Điền – Ninh Bình và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, thời hạn 24 tháng.

(4) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HĐTTC-BĐ ngày 20/12/2011 và Hợp đồng số 02.10.14/HĐCTTC-BĐ ngày 02/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

(5) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 2014-00040-000/HĐTTC-BĐ giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

Kỳ hạn thanh toán các nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	169.192.054.933	114.330.163.138
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>169.192.054.933</u>	<u>114.330.163.138</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn	82.345.973.827	54.861.891.795	-	137.207.865.622
Nợ thuê tài chính	31.984.189.311	-	-	31.984.189.311
Cộng	<u>114.330.163.138</u>	<u>16.052.030.376</u>	<u>(8.530.914.917)</u>	<u>169.192.054.933</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	6.308.395.229	12.517.969.680	-	(13.417.053.664)	5.409.311.245
Quỹ phúc lợi	3.097.187.653	24.141.005.488	108.000.000	(12.419.832.585)	14.926.360.556
Cộng	<u>9.405.582.882</u>	<u>36.658.975.168</u>	<u>108.000.000</u>	<u>(25.836.886.249)</u>	<u>20.335.671.801</u>

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	309.660.000.000	65,00	309.660.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	35,00	166.740.000.000	35,00	166.740.000.000
Cộng	<u>100,00</u>	<u>476.400.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>476.400.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	476.400.000.000
Vốn điều lệ đã góp:	476.400.000.000
Vốn điều lệ còn phải góp:	-

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	476.400.000.000	476.400.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	476.400.000.000	476.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(133.392.000.000)

21d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

21e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

21f. Phân phối lợi nhuận

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	20.290.440.915
Trong đó:		
Số đã tạm trích trong năm tài chính 2015 là	:	1.000.000.000
Số còn phải trích năm tài chính 2016 là	:	19.290.440.915
• Trích quỹ khen thưởng Ban Điều hành	:	500.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	30.435.661.372
• Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	:	10.145.220.457
• Phân chia cổ tức cho các cổ đông	:	142.920.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	3.087.335.102.595	3.123.469.023.539
- Doanh thu khác	118.860.938	4.912.835.318
Cộng	<u>3.087.453.963.533</u>	<u>3.128.381.858.857</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ Công ty không phát sinh Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chiết khấu thương mại	55.468.176.675	23.184.248.223
- Hàng bán bị trả lại	2.377.244.500	568.814.100
Cộng	<u>57.845.421.175</u>	<u>23.753.062.323</u>

3. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	2.607.666.942.906	2.735.959.139.532
- Giá vốn các hoạt động khác	-	-
Cộng	<u>2.607.666.942.906</u>	<u>2.735.959.139.532</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	955.506.118	769.616.740
- Khác	656.804.191	30.542.768
Cộng	<u>1.612.310.309</u>	<u>800.159.508</u>

5. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chi phí lãi vay	41.453.487.720	40.235.307.158
- Chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	311.323.440
- Chiết khấu thanh toán	16.513.964.600	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	603.773.510	3.183.588.834
- Khác	82.852.505	2.110.701.929
Cộng	<u>58.654.078.335</u>	<u>45.840.921.361</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chi phí cho nhân viên	6.648.795.077	4.048.673.575
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.575.562.615	515.677.288
- Chi phí quảng bá thương hiệu, tiếp thị	32.784.591.911	34.102.152.966
- Chi phí hỗ trợ bán hàng	18.884.736.075	30.854.646.024
- Chi phí hàng quà tặng	4.262.145.232	9.291.737.084
- Chi phí vận chuyển	6.546.302.324	13.576.170.428
- Chi phí mua ngoài	39.208.532.686	36.912.215.340
- Chi phí bằng tiền khác	5.521.538.666	4.386.248.336
Cộng	115.432.204.586	133.687.521.041

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chi phí cho nhân viên	21.251.560.495	16.228.673.792
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.948.552.761	1.135.373.925
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.170.892.184	1.224.610.949
- Thuế, phí và lệ phí	83.015.463	391.513.439
- Chi phí dự phòng	237.848.458	882.242.637
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.808.213.295	16.007.226.493
- Lợi thế thương mại	-	117.633.785
- Chi phí bằng tiền khác	5.103.405.867	2.553.112.569
Cộng	47.603.488.523	38.540.387.589

8. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chiết khấu mua hàng được hưởng	1.754.550.000	-
- Thu nhượng bán tài sản cố định	-	1.213.018.401
- Thu nhập từ bán phế liệu	-	4.327.758.500
- Thu nhập từ bồi thường hao hụt	15.633.790	187.264.981
- Thu nhập khác	2.434.379.791	269.312.826
Cộng	4.204.563.581	5.997.354.708

9. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chi phí nộp lại tiền thuế môi trường	1.440.000.000	-
- Chi phí khác	1.022.030.541	1.136.589.878
Cộng	2.462.030.541	1.136.589.878

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	129.080.494.136	104.805.601.414
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(10.326.439.531)	(10.480.560.141)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.326.439.531)	(10.480.560.141)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	118.754.054.605	94.325.041.273
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	47.640.000	47.640.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.493	1.980

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.364.867.418.510	2.082.034.013.374
- Chi phí nhân công	96.514.822.469	95.084.949.325
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.889.899.208	22.082.345.220
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.759.119.825	216.818.346.025
- Chi phí khác	5.912.490.746	6.898.222.310
Cộng	2.712.943.750.758	2.422.917.876.254

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt()*

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tiền lương, thù lao và tiền thưởng	4.381.603.334	1.438.921.077
Cộng	4.381.603.334	1.438.921.077

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ Công ty có phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Cổ tức	-	86.704.800.000
Cộng	-	86.704.800.000

Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.5.

2. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của Công ty phát sinh trong kỳ chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
6 tháng đầu năm 2016			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.746.554.785.288	283.053.757.070	3.029.608.542.358
Giá vốn hàng bán	2.362.858.418.435	244.808.524.471	2.607.666.942.906
Lợi nhuận gộp	383.696.366.853	38.245.232.599	421.941.599.452
6 tháng đầu năm 2015			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.787.074.224.886	317.554.571.648	3.104.628.796.534
Giá vốn hàng bán	2.459.262.979.686	276.696.159.846	2.735.959.139.532
Lợi nhuận gộp	327.811.245.200	40.858.411.802	368.669.657.002

3. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, tài sản cố định hữu hình khác (thuyết minh số V.19a, V.19b).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác.

4. Khả năng hoạt động và kinh doanh liên tục

Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tập đoàn không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tập đoàn và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

6. Giải thích biến động lợi nhuận cùng kỳ

Chi tiêu	6 tháng đầu năm		
	Năm nay	Năm trước	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	171.901.088.520	122.444.458.039	40,39%

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2016 tăng 40,39% so cùng kỳ năm 2015 nguyên nhân chủ yếu do đóng góp lợi nhuận từ Công ty con là Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình đã bắt đầu đi vào sản xuất kinh doanh từ tháng 11 năm 2015 vì vậy trong 6 tháng đầu 2016 Công ty con đã đóng góp vào hơn 30 tỷ đồng lợi nhuận của Tập đoàn.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Phụ lục số 1

PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TĂNG SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	353.513.591.494	127.009.641.876	35.503.906.669	2.910.287.958	2.281.164.000	521.218.591.997
2. Tăng trong năm	794.276.886	19.257.921.399	4.841.551.245	114.045.000	413.270.000	25.421.064.530
- Tăng do mua mới	794.276.886	19.257.921.399	4.841.551.245	114.045.000	413.270.000	25.421.064.530
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	158.479.850	-	-	-	158.479.850
- Thanh lý, nhượng bán	-	158.479.850	-	-	-	158.479.850
4. Số dư cuối năm	354.307.868.380	146.109.083.425	40.345.457.914	3.024.332.958	2.694.434.000	546.481.176.677
Trong đó:						
TSCĐ Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	565.091.818	9.859.064.659	3.905.330.192	676.209.908	-	15.005.696.577
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	71.058.934.951	75.047.645.145	21.617.439.692	1.612.326.085	109.264.558	169.445.610.431
2. Tăng trong năm	15.313.416.516	9.252.184.067	2.366.947.655	235.825.822	228.404.936	27.396.778.996
- Khấu hao trong kỳ	15.313.416.516	9.252.184.067	2.366.947.655	235.825.822	228.404.936	27.396.778.996
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	86.372.351.467	84.299.829.212	23.984.387.347	1.848.151.907	337.669.494	196.842.389.427
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	282.454.656.543	51.961.996.731	13.886.466.977	1.297.961.873	2.171.899.442	351.772.981.566
2. Tại ngày cuối năm	267.935.516.913	61.809.254.213	16.361.070.567	1.176.181.051	2.356.764.506	349.638.787.250
Trong đó:						
Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp	18.745.165.881	5.001.958.743	39.999.990	-	231.167.209	24.018.291.823

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Phụ lục số 2

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
1. Số dư đầu năm trước	476.400.000.000	7.211.680.048	75.500.448.264	17.263.178.515	265.332.471.745	163.199.646.452	1.004.907.425.024
2. Tăng trong năm trước	-	-	43.594.938.856	10.079.811.058	228.964.516.440	70.269.033.504	352.908.299.858
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	19.000.000.000	19.000.000.000
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	43.594.938.856	10.079.811.058	-	-	53.674.749.914
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	-	228.964.516.440	51.269.033.504	280.233.549.944
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	215.117.025.228	35.294.977.370	250.412.002.598
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	215.117.025.228	35.294.977.370	250.412.002.598
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm	476.400.000.000	7.211.680.048	119.095.387.120	27.342.989.573	279.179.962.957	198.173.702.586	1.107.403.722.284
5. Tăng trong năm nay	-	-	34.878.203.342	10.525.307.541	129.080.494.136	42.820.594.385	217.304.599.403
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	-	129.080.494.136	42.820.594.385	171.901.088.520
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	34.878.203.342	10.525.307.541	-	-	45.403.510.883
6. Giảm trong năm nay	-	-	-	-	237.889.725.214	37.918.096.027	275.807.821.241
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	237.889.725.214	37.918.096.027	275.807.821.241
7. Số dư cuối năm nay	476.400.000.000	7.211.680.048	153.973.590.462	37.868.297.114	170.370.731.878	203.076.200.944	1.048.900.500.446

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG